

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.

#### Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là “đạt” khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là “đạt” và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là “đạt” hoặc “chấp nhận được”.

Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật cụ thể như sau:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
<b>1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ</b>		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yêu cầu như tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị.	Có tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ “đạt yêu cầu” theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Đạt</b>
	Có tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ trong khoảng “chấp nhận được” theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Chấp nhận được</b>

	“Không có” hoặc “không đạt yêu cầu” đối với bất kỳ tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ theo yêu cầu được quy định tại Mục 1.2 yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Không đạt</b>
<b>2. Giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa thiết bị</b>		
2.1. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.	- Nhà thầu phải trình bày các giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa, thiết bị theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất đối với các hàng hóa, thiết bị dự thầu tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Đạt</b>
	- Nhà thầu không trình bày giải pháp kỹ thuật lắp đặt hàng hóa, thiết bị theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất đối với các hàng hóa, thiết bị dự thầu tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Không đạt</b>
2.2. Biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị	Nhà thầu phải trình bày, thuyết minh biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị đảm bảo theo đúng trình tự và phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Đạt</b>
	Không có biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa, thiết bị đảm bảo theo đúng trình tự và phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Không đạt</b>
<b>3. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Có trình bày bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị và phù	<b>Đạt</b>

	hợp với thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	
	Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, phù hợp với biện pháp tổ chức, cung cấp và lắp đặt hàng hóa thiết bị và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Không đạt</b>
<b>4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu bảo hành, bảo trì</b>		
4.1. Thời gian bảo hành	Thời gian bảo hành cho tất cả hàng hóa, thiết bị của gói thầu (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự) tối thiểu là: $\geq$ 12 tháng và theo tiêu chuẩn nhà sản xuất và cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng $\leq$ 48 giờ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.	<b>Đạt</b>
	Thời gian bảo hành cho hàng hóa, thiết bị của gói thầu (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự): $<$ 12 tháng và không theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Không cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng $\leq$ 48 giờ hoặc có nhưng $>$ 48 giờ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng.	<b>Không đạt</b>
4.2. Thực hiện chế độ bảo trì định kỳ	- Cam kết thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối thiểu mỗi 3 tháng một lần trong thời gian bảo hành và trong suốt thời bảo hành, nếu có sự cố kỹ thuật, nhà thầu cam kết cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng $\leq$ 48 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng (bằng văn bản, qua điện thoại, fax, Email). Thời gian giải quyết sự cố tối đa trong vòng $\leq$ 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo (kể cả thứ 7 và chủ nhật) tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Đạt</b>

	- Không cam kết thực hiện chế độ bảo trì định kỳ tối thiểu mỗi 3 tháng một lần (hoặc ít hơn) trong thời gian bảo hành và trong suốt thời gian bảo hành, nếu có sự cố kỹ thuật, nhà thầu không thực hiện cử cán bộ đến đơn vị sử dụng kiểm tra trong vòng $\leq 48$ giờ hoặc có nhưng $> 48$ giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng (bằng văn bản, qua điện thoại, fax, Email). Thời gian giải quyết sự cố $> 48$ giờ kể từ khi nhận được thông báo, không kể thứ 7 và chủ nhật tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Không đạt</b>
4.3. Vật tư tiêu hao và linh kiện thay thế	- Có bản cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm (sau thời gian bảo hành) tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự. - Có bảng báo giá bảo trì thiết bị và cam kết ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị sau khi hết thời gian bảo hành tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Đạt</b>
	Không cam kết thực hiện nội dung hoặc không có bảng báo giá bảo trì thiết bị nêu trên tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự.	<b>Không đạt</b>
<b>5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường</b>		
Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường của hàng hóa, thiết bị dự thầu	Cam kết hàng hóa, thiết bị dự thầu (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự) có khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường tại địa điểm cung cấp, lắp đặt theo yêu cầu của E-HSMT	<b>Đạt</b>
	Không cam kết đáp ứng theo yêu cầu	<b>Không đạt</b>
<b>6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết</b>		

Tác động môi trường trong quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ liên quan trong quá trình thực hiện gói thầu	Cam kết quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và dịch vụ liên quan trong thời gian thực hiện gói thầu (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự) không có tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường	<b>Đạt</b>
	Có thuyết minh, trình bày các tác động hoặc ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình cung cấp, lắp đặt thiết bị và thực hiện các dịch vụ liên quan (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự), kèm theo đề xuất biện pháp giải quyết, khắc phục	<b>Chấp nhận được</b>
	Không có cam kết đáp ứng theo yêu cầu	<b>Không đạt</b>
<b>7. Các yếu tố khác về thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ:</b>		
7.1. Thời gian thực hiện gói thầu:	Thời gian thực hiện gói thầu: ≤ 90 ngày	<b>Đạt</b>
	Thời gian thực hiện gói thầu: > 90 ngày	<b>Không đạt</b>
7.2. Đào tạo chuyển giao công nghệ	<p>Nhà thầu phải cam kết (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chương trình đào tạo hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản, bảo trì và sửa chữa cơ bản các thiết bị dự thầu cho cán bộ sử dụng và quản lý thiết bị phải đảm bảo hiệu quả chất lượng, an toàn cho người bệnh và cán bộ sử dụng.</li> <li>- Có chương trình đào tạo đầy đủ về chuyên môn lâm sàng và vận hành thiết bị cung cấp mới, cách xử lý các sự cố liên quan an toàn thiết bị cho đơn vị sử dụng.</li> </ul>	<b>Đạt</b>

	- Có bản cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì, sửa chữa các thiết bị dự thầu bằng tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt.	
	Không cam kết thực hiện nội dung nêu trên hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung trên (trương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự).	<b>Không đạt</b>
<b>8. Quy định đối với đấu thầu thiết bị Y tế</b>		
8.1. Yêu cầu về điều kiện mua bán thiết bị Y tế:	Đối với nhà thầu tham dự Mã phần (lô): PP2500491911; Tên phần (lô): Phần số 1: - Cung cấp số phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị Y tế đối với nhà thầu tham dự thầu theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế	<b>Đạt</b>
	Không cung cấp phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị Y tế thuộc gói thầu theo quy định hoặc có cung cấp nhưng đã bị thu hồi (đối với nhà thầu tham dự Mã phần (lô): PP2500491911; Tên phần (lô): Phần số 1)	<b>Không đạt</b>
8.2. Điều kiện về lưu hành thiết bị Y tế:	Đối với nhà thầu tham dự Mã phần (lô): PP2500491911; Tên phần (lô): Phần số 1: - Nhà thầu phải cam kết đáp ứng các điều kiện về lưu hành đối với hàng hóa dự thầu là Thiết bị Y tế theo quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày	<b>Đạt</b>

	<p>01/01/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ.</p>	
	<p>Không cam kết đảm bảo các điều kiện về lưu hành thiết bị Y tế theo yêu cầu của E-HSMT.</p>	<b>Không đạt</b>
<p>8.3. Yêu cầu về quản lý giá thiết bị Y tế</p>	<p>Đối với nhà thầu tham dự Mã phần (lô): PP2500491911; Tên phần (lô): Phần số 1:          - Yêu cầu về quản lý giá thiết bị Y tế: Nhà thầu phải cam kết hoặc cung cấp tài liệu chứng minh các thiết bị y tế tham gia dự thầu đảm bảo tuân thủ theo quy định tại nội dung sửa đổi, bổ sung điều 44 và 45 tại Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị Y tế; Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của thiết bị y tế thực hiện kê khai giá và các quy định của pháp luật về giá.</p>	<b>Đạt</b>
	<p>Không cam kết hoặc không cung cấp tài liệu chứng minh các thiết bị y tế tham gia dự thầu đảm bảo tuân thủ theo quy định tại nội dung sửa đổi, bổ sung điều 44 và 45 tại Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 về quản lý giá thiết bị Y tế; Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của thiết bị y tế thực hiện kê khai giá và các quy định của pháp luật về giá theo</p>	<b>Không đạt</b>

	yêu cầu của E-HSMT.	
8.4. Yêu cầu về kiểm định an toàn tính năng kỹ thuật thiết bị y tế	<p>Đối với nhà thầu tham dự Mã phần (lô): PP2500491911; Tên phần (lô): Phần số 1:</p> <p>- Đối với thiết bị: “Máy thở nhi khoa” và “Máy thở xách tay” của gói thầu nằm trong danh mục cần kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 của Bộ y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính Phủ về quản lý trang thiết bị y tế. Đối với nội dung này, nhà thầu phải cam kết thực hiện việc kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật thiết bị nêu trên thuộc gói thầu trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.</p>	<b>Đạt</b>
	<p>- Nhà thầu không cam kết thực hiện việc kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật đối với thiết bị “Máy thở nhi khoa” và “Máy thở xách tay” mà nhà thầu tham dự theo đúng quy định của Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 của Bộ Y tế trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.</p>	<b>Không đạt</b>
8.5. Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường	<p>- Nhà thầu phải cam kết thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn đối với các thiết bị đo lường thuộc gói thầu đang xét (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự) được quy định tại Thông tư số 02/VBHN-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ: Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 theo các tiêu chuẩn hiện hành.</p>	<b>Đạt</b>
	<p>- Nhà thầu không cam kết thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn đối với thiết bị nêu trên (tương ứng với từng lô / phần mà nhà thầu tham dự) trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.</p>	<b>Không đạt</b>

<p><b>9. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</b></p>	<p>- Về uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: Từ ngày 01/01/2022, nhà thầu chưa từng vi phạm các nội dung quy định về uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu tại Khoản 1, Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Từ ngày 01/01/2022, nhà thầu chưa từng bị chủ đầu tư kết luận là vi phạm hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng và bị công khai nội dung vi phạm kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>*Nhà thầu phải kèm theo E-HSĐT bản cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu nêu trên, khẳng định nhà thầu chưa từng vi phạm các nội dung yêu cầu về uy tín của nhà thầu.</p>	<p><b>Đạt</b></p>
	<p>- Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ theo yêu cầu hoặc đã có bằng chứng nhà thầu đã từng vi phạm theo các nội dung yêu cầu nêu trên về uy tín của nhà thầu</p>	<p><b>Không đạt</b></p>
<p><b>KẾT LUẬN</b></p>	<p><b>ĐẠT</b> (khi tất cả các tiêu chí được đánh giá là “Đạt” hoặc “chấp nhận được (2/9 tiêu chí)”) </p> <p><b>KHÔNG ĐẠT</b> (không đáp ứng bất kỳ nội dung nào hoặc có một hoặc nhiều nội dung không đáp ứng yêu cầu)</p>	

